

Số: /BC-STP

Lạng Sơn, ngày tháng 8 năm 2026

BÁO CÁO

Thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình và người từ đủ 60 tuổi đến dưới 75 tuổi trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2026–2030

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 2797/SYT-NVYD ngày 04/8/2026 của Sở Y tế về việc đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình và người từ đủ 60 tuổi đến dưới 75 tuổi trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2026–2030.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ dự thảo văn bản, Sở Tư pháp báo cáo như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH; PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA DỰ THẢO

1. Sự cần thiết ban hành văn bản

Thực hiện Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2028 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế; Quyết định số 546/QĐ-TTg ngày 29/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao chỉ tiêu thực hiện bao phủ BHYT giai đoạn 2022 - 2025 và các văn bản có liên quan, UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 11/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2023 - 2025, tuy nhiên đến nay, Nghị quyết số 11/2023/NQ-HĐND đã hết hiệu lực thi hành theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 57 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 (hết thời hạn có hiệu lực được quy định trong văn bản).

- Ngày 01/7/2025 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 188/2025/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế (bãi bỏ Nghị định số 146/2018/NĐ-CP), trong đó:

+ Tại điểm e khoản 6 Điều 6 Nghị định số 188/2025/NĐ-CP quy định: “e) Hỗ trợ tối thiểu 30% mức đóng bảo hiểm y tế đối với đối tượng quy định tại **điểm d khoản 4 Điều 12 của Luật Bảo hiểm y tế** và khoản 4 Điều 5 Nghị định này”.

+ Điểm e khoản 10 Điều 71 Nghị định số 188/2025/NĐ-CP quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh:

“e) Căn cứ khả năng ngân sách của địa phương và các nguồn kinh phí hợp pháp khác **trình Hội đồng nhân dân tỉnh**, thành phố trực thuộc Trung ương **quyết định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng cao hơn mức hỗ trợ tối thiểu quy định tại các điểm b, c, d, đ và e khoản 6 Điều 6 Nghị**

định này; mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng không được hưởng mức hỗ trợ quy định tại các điểm b, c, d, đ và e khoản 6 Điều 6 Nghị định này; đối tượng được hỗ trợ và mức hỗ trợ cùng chi trả chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế cho người tham gia bảo hiểm y tế khi đi khám bệnh, chữa bệnh.”

- Điểm c khoản 1 Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 về nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND cấp tỉnh quy định:

“Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Trong tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp và pháp luật:

c) Căn cứ vào chủ trương của Đảng, quyết định áp dụng thí điểm các chính sách đặc thù, đặc biệt, chưa được quy định trong pháp luật để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương sau khi đã báo cáo và được Thủ tướng Chính phủ cho phép; quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chỉ có tính chất đặc thù ở địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước”.

- Tại điểm 1 khoản 9 Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 quy định trách nhiệm của HĐND tỉnh:

“1. Quyết định các chế độ chi ngân sách để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an sinh xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối của ngân sách địa phương”.

- Khoản 5 Điều 27 Luật Dân số số 113/2025/QH15 quy định:

“5. Chính quyền địa phương, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình hoặc theo phân cấp, thực hiện quản lý nhà nước về dân số. Chính quyền địa phương cấp tỉnh quyết định việc hỗ trợ kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho người cao tuổi chưa có thẻ bảo hiểm y tế căn cứ vào điều kiện kinh tế - xã hội và khả năng cân đối ngân sách của địa phương”.

Ngày 12/02/2026, Thường trực HĐND tỉnh đã ban hành Quyết định số 221/QĐ-HĐND ban hành danh mục Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn quy định chi tiết các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại kỳ họp thứ 10, trong đó có nội dung giao xây dựng **“Nghị quyết quy định hỗ trợ kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho người cao tuổi chưa có thẻ bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”.**

- Điểm a, c khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 quy định Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định:

“a) Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên...

c) Chính sách, biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương; biện pháp khác có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; phân cấp và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp”.

Từ những căn cứ và nội dung nêu trên, việc xây dựng dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình và người

từ đủ 60 tuổi đến dưới 75 tuổi trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2026–2030 là có cơ sở pháp lý, phù hợp với thẩm quyền của HĐND tỉnh.

2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị quyết phù hợp với nội dung quy định tại dự thảo.

II. SỰ PHÙ HỢP CỦA NỘI DUNG DỰ THẢO VỚI CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG

Nội dung dự thảo phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng.

III. TÍNH HỢP HIẾN, TÍNH HỢP PHÁP, TÍNH THỐNG NHẤT VỚI HỆ THỐNG PHÁP LUẬT CỦA DỰ THẢO

1. Dự thảo Nghị quyết

1.1. Phần căn cứ ban hành

- Khoản căn cứ ban hành thứ 2 viện dẫn: “*Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 46/2014/QH13, Luật số 97/2015/QH13, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 51/2024/QH15, Luật số 114/2025/QH15*”.

Đề nghị bổ sung và sửa như sau: “*Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi **Luật số 32/2013/QH13**, Luật số 46/2014/QH13, Luật số 97/2015/QH13, Luật số 35/2018/QH14, **Luật số 68/2020/QH14**, Luật số 51/2024/QH15, Luật số 114/2025/QH15*”.

Rà soát và sửa tương tự tại khoản 4 căn cứ ban hành.

- Khoản căn cứ ban hành thứ 3 sửa như sau: “***Căn cứ Luật Dân số số 113/2025/QH15***”.

- Khoản căn cứ ban hành thứ 5 viện dẫn: “*Căn cứ Nghị định số 188/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn **biện pháp** thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế*”.

Đề nghị viện dẫn chính xác như sau: “*Căn cứ Nghị định số 188/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và **hướng dẫn thi hành** một số điều của Luật Bảo hiểm y tế*”.

1.2. Điều 1

Dự thảo quy định phạm vi, đối tượng áp dụng đối với: “*Người từ đủ 60 tuổi đến dưới 75 tuổi có đăng ký cư trú hợp pháp trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn và chưa được cấp thẻ bảo hiểm y tế từ các nguồn ngân sách nhà nước đóng hoặc hỗ trợ đóng*”.

Đề nghị làm rõ thêm căn cứ pháp lý và căn cứ thực tiễn, lý do lựa chọn nhóm đối tượng từ đủ 60 tuổi đến dưới 75 tuổi được hưởng chính sách hỗ trợ, đồng thời đánh giá, rà soát thêm ngoài nhóm đối tượng này thì còn các trường hợp khác thuộc nhóm người cao tuổi cần được xem xét, hỗ trợ không.

1.3. Điều 2

Khoản 1 Điều 2 dự thảo quy định: “*1. Ngân sách tỉnh hỗ trợ 30% tổng mức đóng bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế đối với các đối tượng quy định **tại Điều 1 Nghị quyết này**. Phần mức đóng bảo hiểm y tế do ngân sách trung ương hỗ trợ (nếu có) được thực hiện theo quy định của Chính phủ.*”

Tuy nhiên, Điều 1 dự thảo quy định về “*phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng*”, trong đó bao gồm cả đối tượng là các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, sửa cụm từ “*các đối tượng quy định tại Điều 1 Nghị quyết này*” thành “*các đối tượng quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này*” để cụ thể đối tượng thực hiện.

2. Dự thảo Tờ trình

- Tại mục 2 phần I – Cơ sở thực tiễn, đề nghị cơ quan soạn thảo giải trình làm rõ hơn về cơ sở xác định quy định đối với nhóm người **từ đủ 60 tuổi đến dưới 75 tuổi**; trường hợp người từ đủ 75 tuổi trở lên đã thuộc đối tượng được ngân sách nhà nước đóng, hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế hoặc được hưởng chính sách khác thì đề nghị viện dẫn cụ thể quy định pháp luật có liên quan để cụ thể, bảo đảm cơ sở cho việc xác định phạm vi, đối tượng hỗ trợ của Điều 1 dự thảo Nghị quyết.

- Tại mục 3 phần V dự thảo Tờ trình có nội dung giải thích và cơ sở đề xuất mức hỗ trợ 30%, tuy nhiên, chưa làm rõ cơ sở, lý do lựa chọn mức hỗ trợ 30% tổng mức đóng bảo hiểm y tế; đề nghị bổ sung, làm rõ căn cứ đề xuất mức hỗ trợ này, nhất là sự phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và khả năng cân đối ngân sách của địa phương.

IV. SỰ CẦN THIẾT, TÍNH HỢP LÝ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Nội dung dự thảo không quy định thủ tục hành chính.

V. NGUỒN TÀI CHÍNH, NGUỒN NHÂN LỰC, VIỆC PHÂN CẤP, THỰC HIỆN NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN ĐƯỢC PHÂN CẤP, VIỆC ỨNG DỤNG, THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Các nguồn lực bảo đảm thực hiện Nghị quyết này được thực hiện theo quy định.

VI. VỀ NGÔN NGỮ, THỂ THỨC, KỸ THUẬT TRÌNH BÀY VÀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC SOẠN THẢO VĂN BẢN

1. Về ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày

Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật.

2. Về trình tự, thủ tục soạn thảo

2.1. Cơ quan chủ trì soạn thảo đã thực hiện các bước theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2.2. Đề nghị thực hiện việc đăng tải Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh theo đúng quy định tại khoản 6 Điều 5 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 19/8/2025 của UBND tỉnh ban hành Quy định biện pháp thi hành một số nội dung về xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn (*chậm nhất 25 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn lấy ý kiến; thời gian đăng tải ít nhất 30 ngày*).

2.3. Dự thảo là Nghị quyết quy định chính sách đặc thù của tỉnh, đề nghị cơ quan soạn thảo tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện việc xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy để bảo đảm phù hợp với Quyết định số 460-QĐ/TU ngày 28/5/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nội dung Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy cho chủ trương đối với các vấn đề thuộc lĩnh vực kinh tế - xã hội.

VII. VỀ ĐIỀU KIỆN TRÌNH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Trên đây là Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp, đề nghị Sở Y tế nghiên cứu, hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết; sau khi nghiên cứu hoàn thiện theo ý kiến nêu tại báo Báo thẩm định, dự thảo đủ điều kiện trình UBND xem xét; đồng thời thực hiện theo quy định tại khoản 1¹, khoản 2² Điều 46 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Y tế;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, NVI (VTT).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Vi Thị Thùy

¹ “1. Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm:

- a) Nghiên cứu tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự thảo văn bản;
- b) Trao đổi, thống nhất với các cơ quan về các vấn đề còn có ý kiến khác nhau.”

² “2. Hồ sơ dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân, đồng thời gửi Sở Tư pháp bằng bản điện tử và 01 bản giấy, bao gồm:

- a) Tài liệu quy định tại khoản 2 Điều 45 của Nghị định này, trong đó tờ trình, các báo cáo được ký và đóng dấu, dự thảo văn bản được đóng dấu giáp lai, các tài liệu khác được đóng dấu treo của cơ quan chủ trì soạn thảo;
- b) Báo cáo thẩm định; báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định.”